

# PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐẾN MỤC TIÊU KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

**Nguyễn Tuấn**

*Khoa Kế toán - Tài chính, Đại học Nha Trang*

*Email: tuann@ntu.edu.vn*

**Đường Nguyễn Hưng**

*Khoa Kế toán, Đại học Kinh tế Đà Nẵng*

*Email: toolympia@yahoo.com*

Ngày nhận: 20/4/2017

Ngày nhận bản sửa: 11/9/2017

Ngày duyệt đăng: 25/12/2017

## **Tóm tắt:**

Mục tiêu nghiên cứu này là phân tích ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ (KSNB) đến mục tiêu kiểm soát các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Cụ thể, phân tích tác động của 5 thành phần kiểm soát nội bộ đến 3 mục tiêu kiểm soát gồm: mục tiêu hữu hiệu, mục tiêu tin cậy, mục tiêu tuân thủ. Đồng thời, xem xét vai trò của môi trường kiểm soát ảnh hưởng đến các thành phần còn lại của kiểm soát nội bộ. Số liệu nghiên cứu thu thập từ dữ liệu sơ cấp thông qua bảng câu hỏi điều tra. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hệ số Cronbach Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và phương pháp mô hình hóa cấu trúc tuyến tính (SEM). Kết quả nghiên cứu cho thấy, có mối liên hệ tích cực giữa 5 thành phần của kiểm soát nội bộ theo báo cáo COSO và Basel với các mục tiêu kiểm soát tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả cũng cho thấy vai trò của môi trường kiểm soát có ảnh hưởng đến các thành phần khác trong kiểm soát nội bộ.

**Từ khóa:** Kiểm soát nội bộ; môi trường kiểm soát; mục tiêu kiểm soát; ngân hàng thương mại.

## **Studying the Impact of Internal Control on Control Objectives of Vietnamese Commercial Banks**

### **Abstract:**

The goal of the study is to analyze the impacts of internal control on control objectives of Vietnamese commercial banks. Specifically, it is used to analyze the impacts of internal control to three control targets: (i) effectiveness and efficiency of operations; (ii) reliability of financial statements and (iii) compliance with applicable laws and regulations. The study also considers the role of the control environment affecting the rest of the internal control components. Data was collected from primary information by survey questionnaires. The study utilizes Cronbach Alpha, EFA, CFA and SEM. The results show that there are positive relationships between five components of internal control reported by COSO and Basel with internal control objectives of Vietnamese commercial banks. The control environment also has the positive impact on other internal control components.

**Keywords:** Internal control, control environment, control objectives, commercial bank.

### **1. Giới thiệu**

Một tổ chức thường xác định sứ mệnh và tầm nhìn của mình. Trên cơ sở đó, các mục tiêu mà tổ chức muốn đạt được sẽ được xác định, các chiến lược được vạch ra để thực hiện các mục tiêu của tổ

chức. Mỗi tổ chức có thể có các mục tiêu khác nhau, nhưng đều có thể quy về 3 mục tiêu sau: (1) mục tiêu hữu hiệu và hiệu quả của hoạt động; (2) mục tiêu tin cậy của báo cáo; (3) mục tiêu tuân thủ với các luật định có liên quan đến tổ chức. Tuy nhiên,

trong hoạt động của đơn vị tiềm ẩn nguy cơ không đạt được mục tiêu do những yếu kém từ: môi trường hoạt động, quy trình kiểm soát, hệ thống thông tin và truyền thông. Việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ là một trong những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và giúp đơn vị đạt được các mục tiêu. Hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết lập sẽ hỗ trợ cho tổ chức đạt được các mục tiêu, hệ thống kiểm soát nội bộ là một tập hợp các thành phần khác nhau, có chức năng khác nhau, liên kết chặt chẽ với nhau, cùng thực hiện mục tiêu đối phó với các rủi ro nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức.

Trong thời gian gần đây, kiểm soát nội bộ được xem là một trong những lĩnh vực nghiên cứu được quan tâm khá nhiều tại Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng. Các nghiên cứu trước có liên quan đến kiểm soát nội bộ và tác động của kiểm soát nội bộ đến các mục tiêu của ngân hàng thương mại tại Việt Nam còn tồn tại một số khoảng trống sau: (1) Các nghiên cứu chủ yếu sử dụng khuôn khổ báo cáo COSO và Basel để phân tích các thành phần kiểm soát nội bộ tại các ngân hàng thương mại bằng những phương pháp nghiên cứu định tính đề gợi ý giải pháp áp dụng kiểm soát nội bộ tại các đơn vị; (2) Việc nghiên cứu kiểm soát nội bộ tại các ngân hàng thương mại trong các nghiên cứu tại Việt Nam chỉ thực hiện nghiên cứu tình huống cho một ngân hàng cụ thể (Nguyễn Tuấn & Đường Nguyễn Hưng, 2015); (3) Nghiên cứu của Nguyen (2016) đã đánh giá tác động của các thành phần kiểm soát nội bộ đến sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua các mục tiêu kiểm soát bằng phương pháp hồi quy bội OLS. Với những khoảng trống nghiên cứu trên, nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng (SEM) để xây dựng và kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính về tác động của 5 thành phần kiểm soát nội bộ (bao gồm: Môi trường kiểm soát, Đánh giá rủi ro, Thủ tục kiểm soát, Hệ thống thông tin và truyền thông, Giám sát) của các ngân hàng thương mại Việt Nam đến 3 mục tiêu kiểm soát (mục tiêu hiệu quả, mục tiêu tuân thủ và mục tiêu tin cậy); đồng thời xem xét vai trò của Môi trường kiểm soát ảnh hưởng đến các thành phần còn lại trong thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đưa ra những khuyến nghị chính sách mang tính thực tiễn hơn, hướng tới hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ các ngân hàng thương mại Việt Nam.

## **2. Cơ sở lý thuyết xây dựng mô hình nghiên cứu kiểm soát nội bộ**

### **2.1. Lý thuyết đại diện**

Lý thuyết đại diện (Agency theory) được giới thiệu bởi Jensen & Meckling (1976) cho rằng trong các doanh nghiệp tồn tại vấn đề đại diện đó là: “tách biệt giữa quyền sở hữu và kiểm soát sẽ dẫn đến xung đột lợi ích”. Theo Eisenhardt (1989), lý thuyết đại diện tập trung vào giải quyết hai vấn đề xảy ra trong mối quan hệ đại diện: vấn đề đại diện và vấn đề chia sẻ rủi ro. Một vấn đề đại diện xảy ra khi lợi ích của người chủ và đại diện bị xung đột, vấn đề này sẽ dẫn đến khó khăn hoặc tổn kém cho người chủ để giám sát hành động của các đại diện. Quản trị doanh nghiệp giúp hài hòa lợi ích các thành viên trong doanh nghiệp. Cơ chế quản trị doanh nghiệp có thể được chia thành các cơ chế quản trị nội bộ và quản trị bên ngoài (Gillan, 2006; Rezaee, 2007). Kiểm soát nội bộ là một trong những cơ chế quản trị nội bộ doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn sự xung đột lợi ích, quản lý và chia sẻ các rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp (Aman & Nguyen, 2008; Nguyễn Tuấn & Đường Nguyễn Hưng, 2015).

### **2.2. Lý thuyết đối phó ngẫu nhiên**

Donaldson (2001) có cách tiếp cận đối phó ngẫu nhiên khá sớm trong lý thuyết hành vi tổ chức, tác giả xây dựng ba yếu tố cốt lõi tạo thành mô hình nghiên cứu áp dụng trong kiểm soát nội bộ: (1) có sự kết nối giữa các đặc điểm đối phó ngẫu nhiên và cấu trúc kiểm soát nội bộ; (2) đặc điểm đối phó ngẫu nhiên xác định cấu trúc kiểm soát nội bộ; (3) có sự phù hợp về mức độ của cấu trúc kiểm soát nội bộ với mỗi cấp độ của đặc tính đối phó ngẫu nhiên. Trong các khuôn khổ về kiểm soát nội bộ đã khẳng định sự cần thiết của kiểm soát nội bộ là khác nhau do đặc điểm tổ chức. Các tuyên bố trong khuôn khổ về kiểm soát nội bộ theo báo cáo COSO 1992 và báo cáo Basel 1998 về khuôn khổ kiểm soát nội bộ ngân hàng tương tự với lý thuyết đối phó ngẫu nhiên, cùng tuyên bố rằng “Mỗi doanh nghiệp hoặc ngân hàng lựa chọn hệ thống kiểm soát phù hợp nhất bằng cách xem xét các đặc điểm đối phó ngẫu nhiên” (Chenhall, 2003).

Do đó, cách tiếp cận lý thuyết đối phó ngẫu nhiên cung cấp một lời giải thích cho sự đa dạng của kiểm soát nội bộ trong thực tế. Nguyên tắc cơ bản về lý thuyết đối phó ngẫu nhiên được chọn làm nền tảng xây dựng khuôn khổ kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO và Basel. Lý thuyết đối phó ngẫu nhiên

cung cấp một cách tiếp cận nghiên cứu về kiểm soát nội bộ và hiệu quả của các mục tiêu kiểm soát nội bộ (Jokipii, 2010).

### **2.3. Khái niệm hệ thống kiểm soát nội bộ**

Có 2 thuật ngữ cơ bản giống nhau trong khái niệm của các tác giả: kiểm soát nội bộ là một “hệ thống” và kiểm soát nội bộ là một “quá trình”. Điều này phù hợp với quan điểm cho rằng, kiểm soát nội bộ được duy trì trong hai phần cơ bản: (1) Thủ tục cần thiết để thực hiện các hoạt động kinh doanh được gọi là hệ thống hoạt động, (2) Thủ tục đảm bảo đơn vị đang hoạt động theo sự mong đợi được gọi là quá trình kiểm soát (Abbas & Iqbal, 2012); phù hợp với cách tiếp cận của lý thuyết đại diện và lý thuyết đối phó ngẫu nhiên. Mục tiêu thực hiện kiểm soát nội bộ là nhằm đảm bảo hoạt động doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh tế; kiểm soát hiệu quả các rủi ro; bảo vệ tài sản, tài liệu và sổ sách kế toán; đảm bảo thông tin đáng tin cậy và toàn diện; tuân thủ các nguyên tắc kế toán và trình bày các báo cáo tài chính đáng tin cậy; tuân thủ pháp luật, các quy định pháp lý hiện hành và các quy định doanh nghiệp.

Theo báo cáo COSO năm 1992 và được cập nhật năm 2013, kiểm soát nội bộ là một quá trình được thiết lập và vận hành bởi hội đồng quản trị, nhà quản lý và nhân viên đơn vị, được thiết kế để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu: mục tiêu về sự hữu hiệu và hiệu quả của hoạt động, mục tiêu về sự tin cậy của báo cáo tài chính, mục tiêu về sự tuân thủ các luật lệ và quy định. Khuôn khổ kiểm soát nội bộ của COSO năm 1992, được cập nhật trong những năm 2006, 2009, 2013, cho rằng hệ thống kiểm soát nội bộ các đơn vị gồm có 5 “thành phần”: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát. Các thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ được phát triển thành 17 nguyên tắc kiểm soát trong báo cáo COSO năm 2013.

Báo cáo Basel (1998) của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng đã đưa ra công bố về “Khuôn khổ kiểm soát nội bộ trong ngân hàng”. Báo cáo vận dụng các lý luận cơ bản của COSO năm 1992 vào lĩnh vực ngân hàng. Basel đề ra 13 “nguyên tắc” thiết kế và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng. Về cơ bản, báo cáo Basel có 12 “nguyên tắc” được xây dựng dựa trên 5 “thành phần” cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO và 1 “nguyên tắc” đánh giá hệ thống kiểm soát nội

bộ thông qua thanh tra ngân hàng. Basel đưa ra khái niệm về kiểm soát nội bộ là một quá trình được thực hiện bởi hội đồng quản trị, nhà quản lý và toàn thể nhân viên; hội đồng quản trị và nhà quản lý có trách nhiệm thiết lập môi trường văn hóa phù hợp để tạo thuận lợi cho quá trình kiểm soát nội bộ được hiệu quả, các nhân viên trong tổ chức đều tham gia vào quá trình này nhằm đạt được các mục tiêu ngân hàng. Những mục tiêu chính của quá trình kiểm soát nội bộ gồm: mục tiêu hoạt động, mục tiêu tin cậy, mục tiêu tuân thủ.

### **2.4. Tổng quan các công trình nghiên cứu thực nghiệm về kiểm soát nội bộ**

Amudo & Inanga (2009) đã dựa vào khuôn khổ kiểm soát nội bộ của COSO và COBIT, xây dựng mô hình thực nghiệm các biến độc lập là các thành phần của kiểm soát nội bộ tác động đến biến phụ thuộc là các mục tiêu của kiểm soát nội bộ. Kết quả cho thấy một số thành phần của kiểm soát nội bộ bị khiếm khuyết nên dẫn đến kết quả vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ chưa hiệu quả. Năm 2010, Jokipii cho rằng, để đảm bảo hiệu quả hoạt động, độ tin cậy thông tin và tuân thủ pháp luật, các doanh nghiệp cần phải có kiểm soát nội bộ tốt. Tác giả đã nhận định, khuôn khổ kiểm soát nội bộ của COSO và CoCo cần thay đổi tùy theo đặc thù doanh nghiệp, điều này phù hợp với lý thuyết đối phó ngẫu nhiên. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các doanh nghiệp thích ứng với cơ cấu kiểm soát nội bộ để đối phó với sự thay đổi của môi trường đạt được các mục tiêu kiểm soát nội bộ cao.

Charles (2011) đã thực hiện nghiên cứu đánh giá kiểm soát nội bộ ngân hàng thương mại ở Nigeria dựa trên 5 thành phần theo báo cáo COSO và đưa ra 6 giả thuyết nghiên cứu, cụ thể: (1) Có thể tin cậy vào kiểm soát nội bộ các ngân hàng thương mại ở Nigeria; (2) kiểm soát nội bộ giúp quản lý tốt các Ngân hàng ở Nigeria; (3) kiểm soát nội bộ đã mang lại hiệu quả hoạt động các Ngân hàng ở Nigeria; (4) kiểm soát nội bộ của các ngân hàng ở Nigeria đảm bảo độ tin cậy cho báo cáo tài chính và báo cáo quản lý; (5) kiểm soát nội bộ đảm bảo việc tuân thủ pháp luật và các quy định; (6) Tồn tại mối quan hệ có ý nghĩa thống kê giữa kiểm soát nội bộ, lợi nhuận và tính thanh khoản của các ngân hàng ở Nigeria. Kết quả nghiên cứu cho thấy các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận.

Nghiên cứu của Sultana & Haque (2011), cho

ràng đánh giá kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp là cần thiết để xác định khả năng đảm bảo hoạt động doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với mục tiêu đề ra. Nghiên cứu được thực hiện trên 6 ngân hàng tại Bangladesh. Kết quả cho thấy hoạt động tốt của các thành phần kiểm soát cung cấp sự đảm bảo hợp lý các mục tiêu kiểm soát.

Mục đích nghiên cứu của Samuel & Wagoki (2014) là đánh giá vai trò các thành phần kiểm soát nội bộ trong các trường đại học công lập ở Kenya. Nghiên cứu sử dụng khuôn khổ kiểm soát nội bộ theo COSO (1992) phân tích hệ thống kiểm soát nội bộ thành 5 thành phần. Kết quả nghiên cứu cho thấy các trường đại học có cấu trúc thành phần kiểm soát nội bộ rõ ràng, thông tin và truyền thông là quan trọng trong việc tăng cường kiểm soát nội bộ.

Nghiên cứu của Nguyễn Tuấn & Đường Nguyễn Hưng (2015) và Nguyen (2016) đã tổng quan tài liệu các công trình nghiên cứu về kiểm soát nội bộ và tác động của kiểm soát nội bộ đến các mục tiêu kiểm soát tại các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Nghiên cứu xây dựng mô hình lý thuyết tác động của kiểm soát nội bộ đến 2 mục tiêu kiểm soát. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính OLS cho thấy cả 2 mô hình nghiên cứu trên đều có ý nghĩa thống kê, có một số thành phần kiểm soát nội bộ trong từng mô hình ảnh hưởng đến ROA và Z-Score là có ý nghĩa thống kê.

Nghiên cứu về kiểm soát nội bộ, sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ chủ yếu đánh giá tính hữu hiệu và hiệu quả của từng thành phần kiểm soát nội bộ, tác động của kiểm soát nội bộ đến các mục tiêu của kiểm soát nội bộ doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Các nghiên cứu chủ yếu dựa vào khái niệm và các thành phần kiểm soát nội bộ theo khuôn khổ báo cáo COSO, COBIT, Basel, đạo luật SOX, đánh giá từng thành phần kiểm soát nội bộ, xây dựng mô hình tác động của kiểm soát nội bộ đến các mục tiêu kiểm soát gồm: hiệu quả hoạt động, quản lý rủi ro, báo cáo tài chính tin cậy, tuân thủ luật định. Kết quả nghiên cứu đã đánh giá mức độ vận dụng kiểm soát nội bộ cũng như ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến mục tiêu kiểm soát trong doanh nghiệp, đặc biệt áp dụng ở ngân hàng thương mại. Những nghiên cứu này làm tiền đề cho tác giả thực hiện nghiên cứu về tác động của kiểm soát nội bộ đến các mục tiêu hiệu quả, mục tiêu tuân thủ và mục tiêu tin cậy tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh xem

xét vai trò của Môi trường kiểm soát.

### 2.5. Mô hình nghiên cứu và đo lường các biến

Dựa trên cách tiếp cận lý thuyết đại diện, lý thuyết đối phó ngẫu nhiên, khái niệm về kiểm soát nội bộ, 5 thành phần và 17 nguyên tắc kiểm soát nội bộ trong báo cáo COSO, 12 nguyên tắc kiểm soát của Basel và các nghiên cứu thực nghiệm của Amudo & Inanga (2009), Jokipii (2010), Nguyễn Tuấn & Đường Nguyễn Hưng (2015), Nguyen (2016), nghiên cứu xây dựng mô hình lý thuyết gồm 5 thành phần của kiểm soát nội bộ (môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát) tác động đến 3 mục tiêu kiểm soát (bao gồm mục tiêu hiệu quả, mục tiêu tin cậy, mục tiêu tuân thủ) các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Theo báo cáo COSO năm 1992 và cập nhật năm 2013, môi trường kiểm soát là thành phần nền tảng của hệ thống kiểm soát nội bộ và có mối liên hệ với các thành phần khác của kiểm soát nội bộ. Môi trường kiểm soát có vai trò quan trọng đối với cả hệ thống kiểm soát nội bộ, quyết định đến các thành phần còn lại của hệ thống kiểm soát nội bộ. Tác động của kiểm soát nội bộ đến các mục tiêu kiểm soát phụ thuộc vào sự chi phối của môi trường kiểm soát đến các thành phần còn lại của hệ thống kiểm soát nội bộ. Do vậy, nghiên cứu phát triển mô hình nghiên cứu tác động của kiểm soát nội bộ đến các mục tiêu kiểm soát bằng cách xem xét ảnh hưởng của môi trường kiểm soát đến các thành phần còn lại của kiểm soát nội bộ các ngân hàng thương mại Việt Nam, mô hình nghiên cứu được phát triển như trong Hình 1.

Từ mô hình lý thuyết, tác giả xây dựng các giả thuyết nghiên cứu cụ thể như sau:

**H<sub>1</sub>:** Có sự tác động thuận chiều của môi trường kiểm soát đến đánh giá rủi ro;

**H<sub>2</sub>:** Có sự tác động thuận chiều của môi trường kiểm soát đến hoạt động kiểm soát;

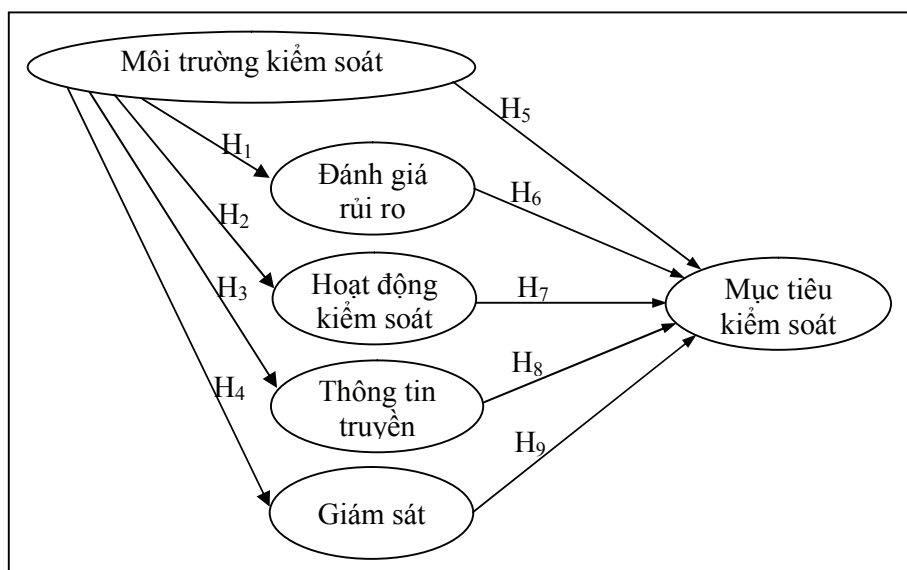
**H<sub>3</sub>:** Có sự tác động thuận chiều của môi trường kiểm soát đến thông tin và truyền thông;

**H<sub>4</sub>:** Có sự tác động thuận chiều của môi trường kiểm soát đến giám sát;

**H<sub>5</sub>:** Có sự tác động thuận chiều của môi trường kiểm soát đến mục tiêu kiểm soát;

**H<sub>6</sub>:** Có sự tác động thuận chiều của đánh giá rủi ro đến mục tiêu kiểm soát;

**Hình 1: Mô hình lý thuyết tác động của kiểm soát nội bộ đến các mục tiêu kiểm soát tại ngân hàng thương mại Việt Nam**



**H<sub>7</sub>:** Có sự tác động thuận chiều của hoạt động kiểm soát đến mục tiêu kiểm soát;

**H<sub>8</sub>:** Có sự tác động thuận chiều của thông tin và truyền thông đến mục tiêu kiểm soát;

**H<sub>9</sub>:** Có sự tác động thuận chiều của giám sát đến mục tiêu kiểm soát.

Các biến thành phần của kiểm soát nội bộ trong ngân hàng thương mại Việt Nam được xác định bằng bảng câu hỏi dựa trên các chỉ mục nội dung theo 5 thành phần kiểm soát nội bộ trong khuôn khổ báo cáo COSO năm 1992, được cập nhật chi tiết thành 17 nguyên tắc kiểm soát nội bộ năm 2013 và 12 nguyên tắc kiểm soát nội bộ trong báo cáo Basel năm 1998; có sự trao đổi và phỏng vấn chuyên sâu các chuyên gia về kiểm soát nội bộ các ngân hàng thương mại, phù hợp với việc xác định biến nghiên cứu về thành phần kiểm soát nội bộ của Noorvee (2006), Amudo & Inanga (2009), Jokipii (2010), Charles (2011), Sultana & Haque (2011), Nguyen (2016). Đối với biến 3 mục tiêu kiểm soát nội bộ, tác giả sử dụng những câu hỏi đánh giá mục tiêu hiệu quả, mục tiêu tin cậy, mục tiêu tuân thủ trong nghiên cứu về kiểm soát nội bộ các ngân hàng thương mại của Jokipii (2010), phù hợp với 3 mục tiêu kiểm soát của báo cáo COSO và Basel. Cụ thể:

- *Môi trường kiểm soát (CE)*: CE là tập hợp các chuẩn mực, quy trình và cấu trúc thiết lập cơ sở cho vận hành của kiểm soát nội bộ trong ngân hàng thương mại. CE tạo ra sắc thái chung cho ngân

hàng thương mại, chi phối đến ý thức kiểm soát của nhân viên trong ngân hàng; là nền tảng cho tất cả các bộ phận khác của kiểm soát nội bộ. Khái niệm CE đo lường bằng 7 mục hỏi từ CE1 đến CE7 gồm 5 nguyên tắc COSO và 3 nguyên tắc Basel, trong đó có 1 nguyên tắc COSO và Basel tương tự nhau.

- *Đánh giá rủi ro (RA)*: RA là một tiến trình nhận diện và phân tích các rủi ro đối với việc thực hiện các mục tiêu của ngân hàng thương mại. Khái niệm RA đo lường bằng 5 mục hỏi từ RA1 đến RA5 gồm 4 nguyên tắc COSO và 1 nguyên tắc Basel.

- *Hoạt động kiểm soát (CA)*: CA là các hành động được thiết lập bởi các chính sách, quy trình kiểm soát và thủ tục kiểm soát giúp đảm bảo những chỉ thị nhà quản lý được thực hiện và có các hành động cần thiết để đối phó với các rủi ro nhằm thực hiện mục tiêu của ngân hàng thương mại. Khái niệm CA đo lường bằng 5 mục hỏi từ CA1 đến CA5 gồm 3 nguyên tắc COSO và 2 nguyên tắc Basel.

- *Thông tin và truyền thông (IC)*: IC được thiết lập để các thành viên có khả năng nắm bắt và trao đổi thông tin cần thiết cho việc thực hiện, điều hành, quản trị và kiểm soát các hoạt động hướng đến đạt được các mục tiêu của ngân hàng thương mại. Khái niệm IC đo lường bằng 5 mục hỏi từ CA1 đến CA5 gồm 3 nguyên tắc COSO và 3 nguyên tắc Basel, trong đó có 1 nguyên tắc COSO và Basel tương tự nhau.

- *Giám sát (MA)*: MA bao gồm đánh giá thường xuyên và định kỳ được thực hiện để xem xét các

thành phần kiểm soát nội bộ tại ngân hàng thương mại có hiện hữu và hữu hiệu hay không. Khái niệm CA được đo lường bằng 5 mục hỏi từ CA1 đến CA5 gồm 2 nguyên tắc COSO và 3 nguyên tắc Basel.

- *Mục tiêu kiểm soát (ICS)*: Khái niệm ICS được đo lường bằng 6 mục hỏi về 3 Mục tiêu kiểm soát. Cụ thể: 2 mục hỏi về mục tiêu kiểm soát hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại, 2 mục hỏi về mục tiêu kiểm soát mức độ tin cậy các báo cáo của ngân hàng thương mại, 2 mục hỏi về mục tiêu kiểm soát mức độ tuân thủ quy định của ngân hàng thương mại. Khái niệm ICS được đo lường bằng 6 mục hỏi từ ICS1 đến ICS6 theo nghiên cứu về kiểm soát nội bộ của Jokipii (2010).

- *Thang đo các biến nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu*

Các biến quan sát về các thành phần kiểm soát nội bộ và các mục tiêu kiểm soát, sử dụng thang đo quãng Likert Scale 5 điểm (Jokipii, 2010; Sultana & Haque, 2011). Nghiên cứu sử dụng dữ liệu sơ cấp thu thập từ bảng câu hỏi điều tra phỏng vấn.

### **3. Mô tả dữ liệu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Thống kê mô tả dữ liệu nghiên cứu**

Theo thống kê tại trang web của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổng số lượng ngân hàng thương mại Việt Nam đến hết năm 2015 (đến ngày 31/12/2015) là 35 ngân hàng thương mại. Tổng số 306 bảng câu hỏi điều tra được phát ra và thu về tại 28 chi nhánh ngân hàng thương mại ở 25 tỉnh và thành phố trải rộng trên 3 miền: miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Trong quá trình nhập và xử lý dữ liệu có 13 phiếu bị lỗi. Những phiếu lỗi chủ yếu là không trả lời hết những câu hỏi hoặc trả lời tất cả các tham số như nhau. Kết quả có 293 bảng câu hỏi điều tra hợp lệ cấu thành mẫu cho nghiên cứu. Tỷ lệ cơ cấu mẫu theo 3 miền như sau: miền Bắc thu được 18 mẫu, chiếm tỷ lệ 6,14% tổng số mẫu nghiên cứu; Miền Trung thu được 181 mẫu, chiếm tỷ lệ 61,78% tổng số mẫu nghiên cứu; Miền Nam thu được 94 mẫu, chiếm tỷ lệ 32,08% tổng số mẫu nghiên cứu.

#### **3.2. Đánh giá độ tin cậy của thang đo**

3.2.1. *Đánh giá thang đo đo lường bằng phương pháp hệ số Cronbach Alpha*

Kết quả kiểm định hệ số Cronbach Alpha các thang đo đo lường 5 thành phần kiểm soát nội bộ và mục tiêu kiểm soát đều có hệ số tin cậy Cronbach

Alpha > 0,6 đảm bảo độ tin cậy cần thiết. Hệ số Cronbach Alpha nếu loại biến của các biến tiềm ẩn CA, IC và ICS đều nhỏ hơn hệ số Cronbach Alpha tổng. Tuy nhiên, Hệ số Cronbach Alpha nếu loại biến của biến tiềm ẩn “CE, RA, MA” lớn hơn hệ số Cronbach Alpha tổng; nên các biến CE1, RA4, MA2 bị loại khỏi nghiên cứu sau khi phân tích Cronbach Alpha. Các hệ số tương quan biến tổng đều đạt, lớn hơn 0,3 nên các biến tiềm ẩn đều được đưa vào phân tích nhân tố khẳng định tiếp theo.

3.2.2. *Đánh giá giá trị thang đo - phân tích nhân tố khám phá (EFA) các thành phần kiểm soát nội bộ và thành phần mục tiêu kiểm soát*

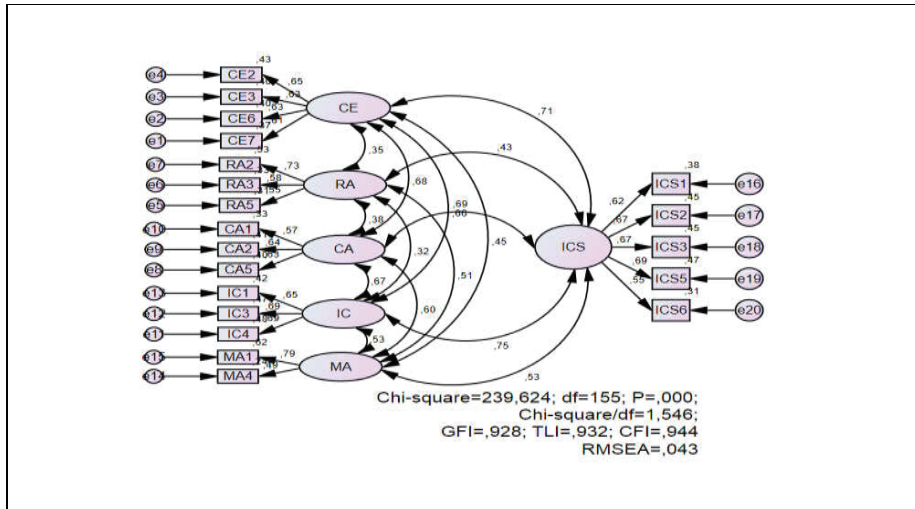
Phân tích nhân tố khám phá lần 1, ta có được số lượng nhân tố trích là 6, phù hợp với số nhân tố dự kiến theo mô hình lý thuyết là 6, bao gồm 5 thành phần kiểm soát nội bộ và 1 thành phần mục tiêu kiểm soát. Kết quả phân tích EFA cho thấy còn tồn tại một số biến trong các thang đo có mức tải nhân tố < 0,5. Do vậy cần phải loại bỏ một số biến quan sát.

Sau khi rút trích các biến thành phần gồm CE4, CE5; RA1; CA3, CA4; IC2, IC5; MA3, MA5; ICS4, ta có kết quả EFA lần 2 cho thấy số lượng nhân tố trích là 6, phù hợp với số lượng nhân tố dự kiến. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's cho thấy hệ số KMO = 0,880 > 0,50, và Sig. = 0.000, thể hiện mức ý nghĩa cao. Như vậy, phù hợp cho thực hiện EFA. Kết quả phân tích nhân tố cho thấy tổng phương sai là 60,786 % > 0,5, chứng tỏ các thang đo giải thích tốt khái niệm nguyên nhân tác động lên các thành phần kiểm soát nội bộ và mục tiêu kiểm soát. Các biến trong các thang đo đều có mức tải nhân tố > 0,5. Sau khi rút trích các biến, thành phần môi trường kiểm soát gồm 4 biến tiềm ẩn CE2, CE3, CE6, CE7; thành phần đánh giá rủi ro gồm 3 biến quan sát RA2, RA3, RA5; thành phần hoạt động kiểm soát gồm 3 biến quan sát CA1, CA2, CA5; thành phần thông tin và truyền thông gồm 3 biến tiềm ẩn IC1, IC3, IC4; thành phần giám sát gồm 2 biến quan sát MA1, MA4; thành phần mục tiêu kiểm soát gồm 5 biến tiềm ẩn ICS1, ICS2, ICS3, ICS5, ICS6.

3.3. *Kết quả phân tích nhân tố khẳng định (CFA) 5 thành phần kiểm soát nội bộ và mục tiêu kiểm soát – mô hình đo lường tới hạn*

Sáu thang đo lường các cấu trúc khái niệm từ kết quả phân tích EFA ở trên sẽ là đối tượng của phân tích nhân tố khẳng định (CFA), kết quả phân tích nhân tố khẳng định được thể hiện theo Hình 2 cho

**Hình 2: Kết quả CFA (chuẩn hoá) mô hình đo lường tới hạn**



155 bậc tự do.

Kết quả phân tích cho thấy, CFA cho 155 bậc tự do, mô hình có Chi-square = 239,624 ( $p = ,000$ ), CMIN/df = 1,546 < 3. Các chỉ số GFI, TLI và CFI lần lượt là: 0,928, 0,932 và 0,944 đều > 0,9, RSMEA = 0,043 < 0,08. Do đó, khẳng định mô hình đáp ứng tốt với dữ liệu thị trường.

Kết quả kiểm định giá trị phân biệt giữa các biến trong mô hình tới hạn thể hiện trong Bảng 1. Tất cả các hệ số tương quan ước lượng liên kết với sai số chuẩn (SE) cho  $p$  đều < 0,05 nên hệ số tương quan của từng cặp khái niệm khác biệt so với 1 ở độ tin cậy 95%. Do đó, các khái niệm đạt được giá trị phân biệt.

### 3.4. Kiểm định mô hình lý thuyết bằng mô hình hoá cấu trúc tuyến tính (SEM)

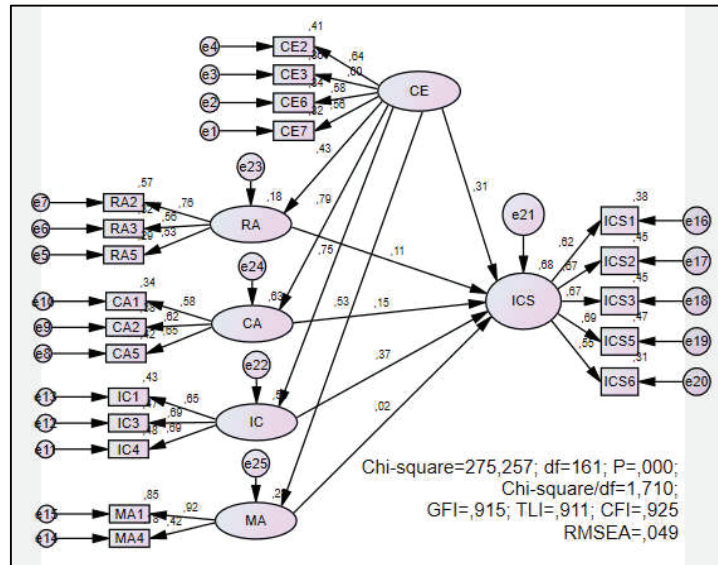
Mô hình thể hiện ở Hình 3 có 161 bậc tự do, Chi-square = 275,257 ( $p = 0,000$ ), CMIN/df = 1,710 < 3; các chỉ số: GFI = 0,915, TLI = 0,911, CFI = 0,925 đều lớn hơn 0,9 và RMSEA = 0,049 < 0,08; cho thấy mô hình phù hợp với dữ liệu thị trường.

Theo kết quả phân tích, các chỉ số kiểm định mô hình lý thuyết khá phù hợp với dữ liệu thị trường. Tuy nhiên, kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu cho thấy có khá nhiều giả thuyết có thể bị bác bỏ gồm:  $H_5$ ,  $H_6$ ,  $H_7$ ,  $H_8$  (bảng 2:  $p$  value > 0,1). Do vậy, nghiên cứu sử dụng mô hình cạnh tranh để thay thế mô hình lý thuyết ban đầu bằng cách lược bỏ mối quan hệ tác động của môi trường Kiểm soát đến

**Bảng 1: Kết quả kiểm định giá trị phân biệt giữa các nhân tố trong mô hình tới hạn**

	Estimate	S.E.	C.R.	P
CE <--> ICS	0,152	0,025	6,033	***
RA <--> ICS	0,074	0,018	4,229	***
CA <--> ICS	0,152	0,026	5,925	***
IC <--> ICS	0,181	0,028	6,488	***
MA <--> ICS	0,096	0,023	4,237	***
CE <--> RA	0,060	0,017	3,566	***
CE <--> CA	0,149	0,026	5,717	***
CE <--> IC	0,158	0,027	5,912	***
CE <--> MA	0,081	0,021	3,826	***
RA <--> CA	0,067	0,018	3,677	***
RA <--> IC	0,062	0,018	3,377	***
RA <--> MA	0,074	0,019	3,836	***
CA <--> IC	0,167	0,028	5,940	***
CA <--> MA	0,111	0,026	4,314	***
IC <--> MA	0,109	0,026	4,247	***

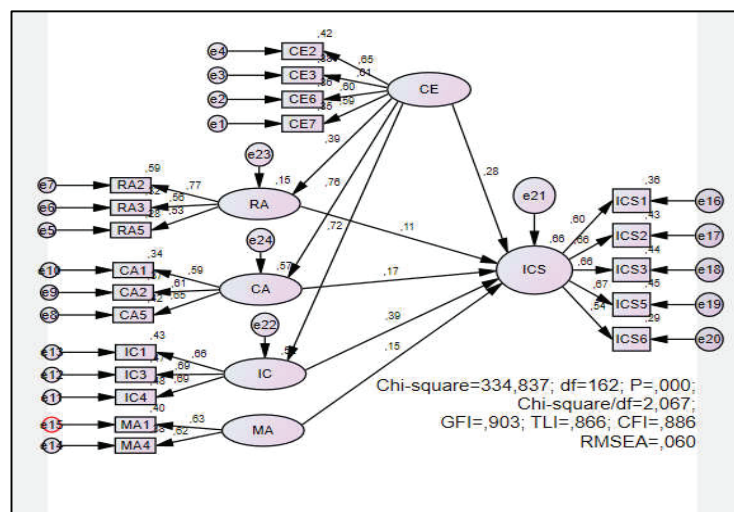
**Hình 3: Kết quả SEM (chuẩn hoá) của mô hình lý thuyết**



**Bảng 2: Kết quả kiểm định giả thuyết trong mô hình lý thuyết**

	Estimate	S.E.	C.R.	P
ICS <--- CE	0,339	0,231	1,469	0,142
ICS <--- RA	0,144	0,092	1,562	0,118
ICS <--- CA	0,146	0,140	1,045	0,296
ICS <--- IC	0,328	0,110	2,983	0,003
ICS <--- MA	0,034	0,097	,351	0,726
IC <--- CE	0,911	0,129	7,059	***
RA <--- CE	0,360	0,083	4,316	***
CA <--- CE	0,896	0,130	6,899	***
MA <--- CE	0,419	0,125	3,360	***

**Hình 4: Kết quả SEM (chuẩn hoá) của mô hình cạnh tranh**



thành phần giám sát (giả thuyết  $H_4$ ). Từ giả định này, một mô hình cạnh tranh với mô hình lý thuyết được hình thành và cho kết quả nghiên cứu như Hình 4.

Dựa vào hệ số MI, nghiên cứu có thể cải thiện mô

hình tốt hơn, ta có kết quả SEM (chuẩn hoá) của mô hình lý thuyết được thể hiện ở Hình 5.

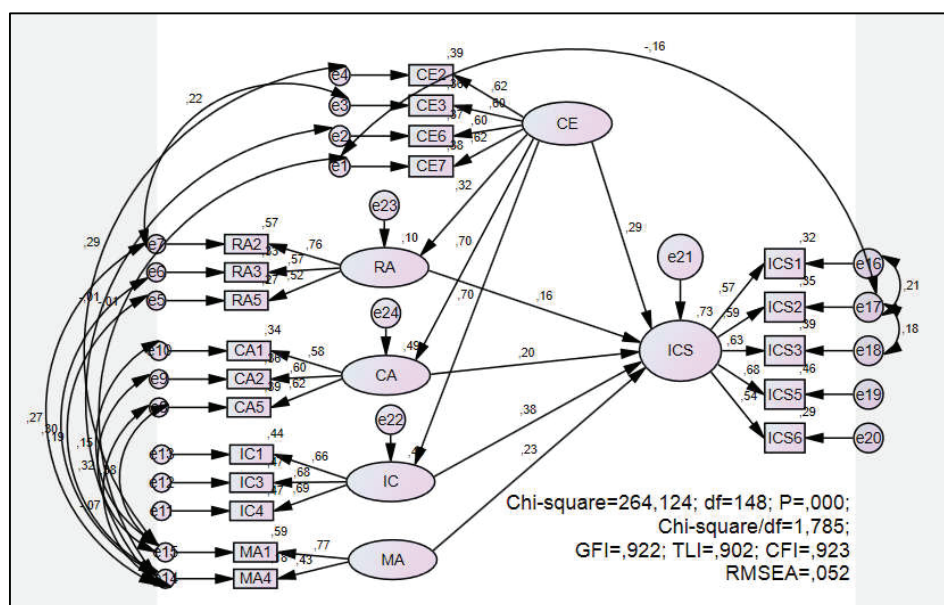
Mô hình thể hiện ở hình 4 có 146 bậc tự do, chi-square = 263,037 (p = 0,000), CMIN/df = 1,802 < 3;



**Bảng 3: Kết quả kiểm định giả thuyết trong mô hình cạnh tranh**

	Estimate	S.E.	C.R.	P
ICS <--- CE	0,282	0,177	1,598	0,110
ICS <--- RA	0,133	0,090	1,478	0,139
ICS <--- CA	0,156	0,122	1,282	0,200
ICS <--- IC	0,334	0,102	3,286	0,001
ICS <--- MA	0,133	0,075	1,780	0,075
IC <--- CE	0,835	0,119	7,038	***
RA <--- CE	0,310	0,076	4,065	***
CA <--- CE	0,819	0,120	6,852	***

**Hình 5: Kết quả SEM (chuẩn hoá) của mô hình cạnh tranh sau khi điều chỉnh dựa vào hệ số MI**



các chỉ số: GFI = 0,920, TLI = 0,900, CFI = 0,923 đều lớn hơn 0,9 và RMSEA = 0,052 < 0,08; cho thấy mô hình phù hợp với dữ liệu thị trường rất cao.

Tất cả những mối tương quan được giả thuyết trong mô hình nghiên cứu đều được chứng minh bằng kiểm định mô hình SEM. Kết quả ước lượng (chuẩn hoá) của các tham số chính được trình bày ở Bảng 4. Kết quả này cho thấy các mối quan hệ nhân quả này đều có ý nghĩa thống kê vì đều có giá trị  $p < 0,1$ . Qua kết quả này, kết luận các thang đo lường của các khái niệm thành phần kiểm soát và mục tiêu kiểm soát trong mô hình đạt giá trị liên hệ lý thuyết.

Các mối quan hệ nhân quả trong Bảng 4 cho thấy, 5 thành phần kiểm soát nội bộ (môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát) có tác động trực tiếp và

thuận chiều lên mục tiêu kiểm soát; đồng thời, thành phần môi trường kiểm soát có tác động thuận chiều đến 3 thành phần: đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông. Những tác động được ghi nhận trên đây đều phù hợp với giả thuyết nghiên cứu đã đề ra và đều có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,1$ .

#### 4. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả SEM Bảng 4, cho thấy hiện tượng Heywood không xuất hiện trong mô hình và các sai số chuẩn đều nhỏ hơn 2,58. Theo Hình 5 và Bảng 4 cho thấy, các nhân tố tác nhân của thành phần kiểm soát nội bộ thông tin và truyền thông có tác động dương lên mục tiêu kiểm soát mạnh hơn cả các thành phần còn lại (trọng số chuẩn hoá là 0,383); tiếp đến là thành phần kiểm soát nội bộ môi trường

**Bảng 4: Hệ số hồi quy của mô hình cạnh tranh**

R <sup>2</sup> : Mục tiêu kiểm soát = 72,8%; R <sup>2</sup> : Đánh giá rủi ro = 10,5%; R <sup>2</sup> : Hoạt động kiểm soát = 48,7%; R <sup>2</sup> : Thông tin và truyền thông = 48,6%						
Tương quan		Estimate chưa chuẩn hóa	Estimate chuẩn hóa	S.E.	C.R.	P
Môi trường kiểm soát ---> Thông tin và truyền thông	IC <--- CE	0,777	0,697	0,111	6,973	***
Môi trường kiểm soát ---> Đánh giá rủi ro	RA <--- CE	0,242	0,324	0,067	3,591	***
Môi trường kiểm soát ---> Hoạt động kiểm soát	CA <--- CE	0,684	0,698	0,106	6,470	***
Môi trường kiểm soát ---> MTKS	ICS <--- CE	0,257	0,286	0,145	1,767	,077
Đánh giá rủi ro ---> MTKS	ICS <--- RA	0,192	0,160	0,088	2,184	,029
Hoạt động kiểm soát ---> MTKS	ICS <--- CA	0,186	0,203	0,112	1,655	,098
Thông tin và truyền thông ---> MTKS	ICS <--- IC	0,308	0,383	0,096	3,229	,001
Giám sát ---> MTKS	ICS <--- MA	0,284	0,228	0,100	2,829	,005

kiểm soát, giám sát và hoạt động kiểm soát, cũng có tác động đến mục tiêu kiểm soát; cuối cùng là thành phần kiểm soát nội bộ đánh giá rủi ro có tác động dương thấp nhất đến mục tiêu kiểm soát (trọng số chuẩn hóa là 0,160). Hệ số R<sup>2</sup>: Mục tiêu kiểm soát = 72,8%, điều này hàm ý rằng, 72,8% sự biến thiên của mục tiêu kiểm soát được giải thích bởi 5 thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ. Điều này khẳng định quan điểm cho rằng, các ngân hàng thương mại Việt Nam vận dụng tốt các thành phần kiểm soát nội bộ theo báo cáo COSO và Basel sẽ giúp cho ngân hàng đáp ứng được tốt các mục tiêu kiểm soát của ngân hàng thương mại gồm: mục tiêu hiệu quả hoạt động ngân hàng, mục tiêu tin cậy các báo cáo ngân hàng, mục tiêu tuân thủ quy định của ngân hàng. Đồng thời, thành phần môi trường kiểm soát có tác động tích cực đến 3 thành phần đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông. Các hệ số R<sup>2</sup>: Đánh giá rủi ro = 10,5%, R<sup>2</sup>: Hoạt động kiểm soát = 48,7%, R<sup>2</sup>: Thông tin và truyền thông = 48,6%, cho thấy môi trường kiểm soát có thể giải thích được lần lượt 10,5%, 48,7%, 48,6% sự thay đổi của 3 thành phần kiểm soát nội bộ gồm: đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông. Do vậy, cần chú trọng nhiều hơn đến môi trường kiểm soát sẽ giúp đơn vị cải thiện được 3 thành phần còn lại của hệ thống kiểm soát nội bộ, đó là thành phần đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông.

Kết quả nghiên cứu cho thấy 5 thành phần kiểm soát nội bộ tác động tích cực đến các mục tiêu kiểm soát và có ý nghĩa thống kê. Thành phần môi trường

kiểm soát có tác động tích cực đến 3 thành phần đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông và có ý nghĩa thống kê (sig. < 10%). Các giả thuyết nghiên cứu H<sub>1</sub>, H<sub>2</sub>, H<sub>3</sub>, H<sub>5</sub>, H<sub>6</sub>, H<sub>7</sub>, H<sub>8</sub>, H<sub>9</sub> được chấp nhận, mô hình nghiên cứu phù hợp với dữ liệu thị trường, riêng giả thuyết H<sub>4</sub> không được đưa vào mô hình nghiên cứu để kiểm định do điều kiện hạn chế của dữ liệu thị trường. Nghiên cứu sẽ làm nền tảng cho việc gợi ý các khuyến nghị chính sách nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, trong đó nhấn mạnh vai trò của môi trường kiểm soát.

Bài viết đã sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM phân tích 5 thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ tác động đến các mục tiêu kiểm soát ngân hàng thương mại Việt Nam; đồng thời, nghiên cứu đã tìm được ảnh hưởng của môi trường kiểm soát đến các thành phần còn lại trong hệ thống kiểm soát nội bộ. Đây là một trong những nghiên cứu ứng dụng phương pháp SEM bước đầu về kiểm soát nội bộ trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.

Nghiên cứu đã phân tích tác động của các biến (Construct) ngoại sinh đến biến nội sinh, và đồng thời phân tích tác động của các biến vừa ngoại sinh vừa nội sinh. Do vậy nghiên cứu này sẽ làm tiền đề để phát triển các nghiên cứu tiếp theo về kiểm soát nội bộ theo hướng phân tích đa tác động của các biến trung gian vừa là biến ngoại sinh vừa là biến nội sinh (Mediator), khi đó nghiên cứu sẽ xem xét đến tác động một cách đầy đủ hơn của môi trường kiểm soát đến các thành phần còn lại của hệ thống kiểm soát nội bộ.

## Tài liệu tham khảo

- Abbas, Q. & Iqbal, J. (2012), 'Internal Control System: Analyzing Theoretical Perspective and Practices', *Middle-East Journal of Scientific Research*, 12 (4), 530-538.
- Amudo, A. & Inanga, E.L. (2009), 'Evaluation of Internal Control Systems: A Case Study from Uganda', *International Research Journal of Finance and Economics*, 27(2009), 124-144.
- Aman, H. & Nguyen P. (2008), 'Do stock prices reflect the corporate governance quality of Japanese firm', *Journal of the Japanese and International Economies*, 22(4), 647-662.
- Basel Report (1998), *Framework for Internal Control Systems in Banking Organisations*, Basel Committee on Banking Supervision, Switzerland.
- Charles, E.I. (2011), 'Evaluation of internal control system of banks in Nigeria', Being a dissertation submitted in partial fulfilment of the requirements for the award of the Doctor of philosophy (PhD) Accounting of St. Clements University, Turks and Caicos Islands.
- Chenhall, R.H. (2003), 'Management control systems design within its organizational context: Findings from contingency-based research and directions for the future', *Accounting Organizations and Society*, 28, 127-168.
- Donaldson, L. (2001), *The contingency theory of organizations*, USA: Sage Publications.
- Eisenhardt, K. (1989), 'Agency Theory: An assessment and review', *Academy of Management Review*, 14(1), 57-74.
- Gillan, S. (2006), 'Recent Developments in Corporate Governance: An overview', *Journal of Corporate Finance*, 12, 381-402.
- Jensen, M.C., & Meckling, W. (1976), 'Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs, and ownership structure', *Journal of Financial Economics*, 3, 305-360.
- Jokipii, A. (2010), 'Determinants and consequences of internal control in firms: a contingency theory based analysis', *Journal of Management & Governance*, 14(2), 115-144.
- Nguyễn Tuấn & Đường Nguyễn Hưng (2015), 'Tổng quan lý thuyết về tác động của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả hoạt động và rủi ro các ngân hàng thương mại Việt Nam', *Tạp chí Công nghệ ngân hàng*, 113 (tháng 08/2015), 50-62.
- Nguyen, T. (2016), 'Studying the Impact of Internal Control on the Performance and Risk of Vietnamese Commercial Banks', *International Research Journal of Finance and Economics*, 151(08/2016), 90-101.
- Noorvee, L. (2006), 'Evaluation of the effectiveness of internal control over Financial Reporting', Thesis submitted for obtaining the master artium degree in economics, University of Tartu, Estonia.
- Rezaee, Z. (2007), *Corporate Governance post-Sarbanes Oxley: regulations, requirements and integrated processes*, John Wiley & Sons, Inc.
- Samuel, I.K. & Wagoki, J. (2014), 'Assessing the role of internal control system components in Kenyan Public Universities: A case study of Jomo Kenyatta University of Agriculture and Technology', *International Journal of Accounting and Financial Management Research (IJAFMR)*, 4(3), 17-28.
- Sultana, R. & Haque, M.E. (2011), 'Evaluation of Internal Control Structure: Evidence from Six Listed Banks in Bangladesh', *ASA University Review*, 5(1), 1-6/2011.